

Đề tài cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phục vụ lợi ích của nhân dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1975 trở đi việc đi lại giao dịch hàng ngày của những người bắt đầu từ tuổi 15 trở lên đều thống nhất dùng giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận căn cước do cơ quan công an cấp để chứng thực căn cước của mỗi người.

Điều 2. — Những người đến tuổi lấy giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước hoặc chưa được cấp, thì cần đến ngay cơ quan công an nơi mình thường trú để làm thủ tục lấy giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước.

Điều 3. — Giấy chứng minh của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang đang tại ngũ do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cấp cũng có giá trị như giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước.

Điều 4. — Người đi lại vùng biên giới hoặc khu vực Vĩnh-linh, ngoài giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước, phải có giấy phép riêng do Sở hoặc Ty công an nơi mình ở cấp.

Điều 5. — Mỗi người chỉ được sử dụng một giấy chứng minh hoặc một giấy chứng nhận căn cước và phải chấp hành nghiêm chỉnh các điều sau đây :

a) Phải mang luôn giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận căn cước trong người để xuất trình khi cơ quan chính quyền kiểm soát ;

b) Phải giữ gìn cẩn thận giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước không để mất, để hỏng. Nếu mất phải báo ngay cho cơ quan công an hoặc Ủy ban hành chính xã nơi gần nhất và nơi mình thường trú. Nếu hỏng phải xin đổi lại giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước mới ;

c) Khi được phép thay đổi họ tên (kể cả đổi hoặc đặt bí danh), cải chính ngày, tháng, năm sinh thì phải làm đơn xin thay đổi giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận căn cước khác ;

d) Nghiêm cấm việc khai man, giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa, mua bán, mượn hoặc cho người khác mượn giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước.

Điều 6. — Ai vi phạm các điều 1, 2, 3, 4, 5 nói trên coi như phạm pháp, sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 7. — Các lực lượng công an nhân dân kể cả công an xã có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước theo kế hoạch của Bộ Công an hướng dẫn.

Điều 8. — Các đồng chí chủ tịch Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh, đồng chí Tư lệnh trưởng Công an nhân dân vũ trang, các đồng chí Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ Công an, các đồng chí Giám đốc Khu, Sở công an, các đồng chí Trưởng Ty công an có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 1 tháng 1 năm 1975

Bộ trưởng Bộ Công an
TRẦN QUỐC HOÀN

BỘ NGOẠI GIAO

QUYẾT ĐỊNH số 01-VPNG ngày 8-1-1975
công bố bản Quy định của Bộ Ngoại
giao về hoạt động thông tin báo chí
của các cơ quan đại diện nước ngoài
tại Việt-nam dân chủ cộng hòa.

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Căn cứ Sắc lệnh số 282-SL ngày 14-12-1956
kèm theo Luật về chế độ báo chí ;

Căn cứ Luật số 100-SL/L.002 ngày 20-5-1957
quy định chế độ báo chí ;

Căn cứ nghị định số 298-TTg ngày 9-7-1957
quy định chi liệt thi hành Luật 100-SL/L.002
ngày 20-5-1957 về chế độ báo chí ;

Căn cứ chỉ thị số 67-TTg ngày 10-6-1965 của
Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề có liên
quan đến hoạt động của cơ quan đại diện nước
ngoài đặt lại Việt-nam ;

Căn cứ nghị định số 157-CP ngày 9-10-1961
quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ
máy Bộ Ngoại giao ;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ thông tin
báo chí Bộ Ngoại giao.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay công bố Quy định của Bộ Ngoại giao nước Việt-nam dân chủ cộng hòa về hoạt động thông tin báo chí của các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Điều 2. — Quy định này có hiệu lực kể từ khi Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao có công hàm thông báo cho các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt-nam.

Điều 3. — Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ thông tin báo chí, Vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm thi hành.

Hà-nội, ngày 8 tháng 1 năm 1975

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
NGUYỄN DUY TRINH

QUY ĐỊNH

của Bộ Ngoại giao nước Việt-nam dân chủ cộng hòa về hoạt động thông tin báo chí của các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt-nam dân chủ cộng hòa.

I. XUẤT BẢN BẢN TIN

1. Đề xin giấy phép xuất bản bản tin, cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt-nam dân chủ cộng hòa gửi công hàm tới Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao nói rõ: tên bản tin, tôn chỉ, mục đích, khuôn khổ, trụ sở chính thức, nhà in, số lượng và kỳ hạn phát hành của bản tin.

2. Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày nhận được giấy phép, nếu bản tin không xuất bản thì giấy phép coi như không có giá trị nữa.

Nếu tự ý đình bản một thời gian quá ba tháng mà sau muốn tục bản thì phải xin phép lại.

3. Sau khi được phép xuất bản, bản tin nào thay đổi một trong những điều dưới đây đều phải làm lại thủ tục:

- thay đổi tên bản tin;
- thay đổi nội dung, thể tài căn bản khác với tôn chỉ, mục đích đã ghi trong giấy phép cho xuất bản;
- thay đổi kỳ hạn phát hành.

4. Bài và ảnh sẽ đăng trên bản tin phải gửi trước đến Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao. Sau ba ngày, nếu Vụ thông tin báo chí không có ý kiến gì thì có thể đưa in.

5. Nếu cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt-nam dân chủ cộng hòa muốn in và phát phụ trương kèm theo bản tin chính, thì một tuần trước ngày phát hành phải gửi công hàm xin phép Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao, kèm theo bài và ảnh của phụ trương.

6. Nội dung bản tin phải theo đúng kỷ luật tuyên truyền của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, tóm tắt là:

a) Không tuyên truyền chống pháp luật và đường lối chính sách của Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

b) Không tuyên truyền phá hoại sự nghiệp củng cố hòa bình, hoàn thành độc lập và dân chủ, thực hiện thống nhất của nước Việt-nam, làm giảm sút tinh thần đoàn kết, ý chí phấn đấu của nhân dân Việt-nam.

c) Không tuyên truyền chia rẽ dân tộc, gây thù hằn giữa nhân dân các nước, làm tổn hại tình hữu nghị giữa nhân dân Việt-nam với nhân dân các nước bạn; không tuyên truyền cho chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi; không tuyên truyền cho chủ nghĩa đế quốc; không tuyên truyền cho chiến tranh xâm lược.

d) Không tiết lộ những điều thuộc phạm vi bí mật của Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

e) Không tuyên truyền dâm ô, trụy lạc, đồi bại.

7. Tất cả các bản tin phải nộp lưu chiểu trước khi phát hành 12 tiếng đồng hồ.

Nơi nộp lưu chiểu:

a) Phòng lưu chiểu văn hóa phẩm Thư viện quốc gia: 8 bản;

b) Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao: 2 bản;

c) Sở báo chí trung ương: 2 bản.

Các bản nộp lưu chiểu đều ghi «**Bản lưu chiểu**» đồng thời ghi rõ số lượng phát hành, ngày giờ nộp lưu chiểu, có đóng dấu của cơ quan ra bản tin.

8. Cơ quan đại diện nước ngoài đặt ở Việt-nam dân chủ cộng hòa có thể đưa trực tiếp bản tin của mình cho các cơ quan chính quyền, tổ chức xã hội và đoàn thể quần chúng có địa chỉ chính thức. Khi gửi cho công dân Việt-nam thì gửi qua bưu điện.

Cơ quan đại diện nước ngoài phát hành bản tin cần thông báo cho Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao danh sách và địa chỉ những cơ quan và công dân Việt-nam được nhận bản tin.

II. GỬI CÁC TÀI LIỆU SÁCH BÁO

1. Những tài liệu, văn kiện chính thức, sách báo, văn hóa phẩm (phim, đĩa hát, v.v..) bằng tiếng Việt-nam in ở nước ngoài muốn được phân phát tại Việt-nam dân chủ cộng hòa, phải được sự đồng ý trước của Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao.

2. Những tài liệu, văn kiện chính thức, sách, báo, văn hóa phẩm (phim, đĩa hát, v.v..) không phải bằng tiếng Việt-nam in ở nước ngoài muốn được phân phát ở Việt-nam dân chủ cộng hòa phải gửi trước đến Vụ thông tin báo chí Bộ

Ngoại giao mỗi thứ hai bản kèm theo bản kê các địa chỉ. Sau ba ngày, nếu Vụ Thông tin báo chí Bộ Ngoại giao không có ý kiến gì thì có thể gửi cho các địa chỉ đã thông báo.

III. ĐẶT TỬ ẢNH

1. Đề xin giấy phép đặt tử ảnh, cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt-nam dân chủ cộng hòa cần gửi công hàm đến Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao nói rõ: nơi đặt tử ảnh, kích thước, nội dung trình bày.

2. Nội dung trình bày phải theo đúng Điều 6 quy định về xuất bản báo tin.

3. Tử ảnh đặt trước trụ sở chính của cơ quan đại diện.

IV. HỢP BÁO

Cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt-nam dân chủ cộng hòa muốn hợp báo cần thông báo cho Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao một tuần trước khi hợp về nội dung, thành phần, ngày giờ, địa điểm cuộc họp.

V. CHIẾU PHIM

Cơ quan đại diện nước ngoài ở Việt-nam dân chủ cộng hòa muốn chiếu phim ở những nơi công cộng cần được sự đồng ý của Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao.

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 2-TC/VG ngày 16-1-1975 hướng dẫn thi hành giá bán buôn than và gỗ.

Tại quyết định số 322-TTg và số 323-TTg ngày 24-12-1974, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định điều chỉnh giá bán buôn than và gỗ. Ủy ban Vật giá Nhà nước đã căn cứ vào giá chuẩn của than và gỗ do Thủ tướng Chính phủ quyết định đề quy định cụ thể giá bán buôn các loại than và gỗ: quyết định số 02-TLSX/VGNN ngày 2-1-1975, về giá bán buôn than của các xí nghiệp than giao cho Tổng công ty quản lý và phân phối than và than cho xuất khẩu, số 03-TLSX/VGNN ngày 3-1-1975 về giá bán buôn than, số 01-TLSX/VGNN ngày 2-1-1975 về giá bán buôn các loại gỗ tròn, gỗ xẻ.

Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Vật giá Nhà nước như sau:

1. Trong việc điều chỉnh giá bán buôn than, gỗ tròn, gỗ xẻ kỳ này, có quy định cụ thể cho từng loại quy cách phẩm chất, từng loại đối tượng: xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh, hợp tác xã (có phân biệt hợp tác xã có quan hệ với cơ quan xí nghiệp của Nhà nước bằng hợp đồng kinh tế ký kết chặt chẽ và các hợp tác xã không có quan hệ), có quy định giá cho từng khu vực địa phương... Tùy từng loại than và từng khu vực, so giá mới với giá cũ, thì có nơi tăng nhiều, nơi tăng ít, nơi không tăng và cũng có nơi giá hạ hơn trước. Các đơn vị, các ngành đều tính toán, làm ăn theo giá mới ban hành. Vì vậy, cơ quan tài chính Nhà nước và tài chính xí nghiệp cần nắm vững các giá khác nhau tùy theo quy cách phẩm chất, đối tượng áp dụng giá, khu vực giá v.v... để tính toán cho chính xác mức độ ảnh hưởng của giá than, giá gỗ mới đối với trị giá hàng tồn kho, vốn lưu động, giá thành, số thu nộp. Cần đặc biệt chú trọng kiểm tra số liệu kiểm kê tồn kho...

2. Các ngành chủ quản, các đơn vị xí nghiệp kinh doanh than, gỗ hoặc có dùng than, gỗ làm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu... trước đây nếu đã lập kế hoạch tài vụ theo giá cũ thì nay phải điều chỉnh lại kế hoạch đó theo giá mới cho cả năm kế hoạch 1975 (từ ngày 1-1-1975). Tuy nhiên, nếu xét thấy mức độ ảnh hưởng của giá than, gỗ không nhiều thì xí nghiệp có thể không điều chỉnh lại kế hoạch tài vụ. Kế hoạch thu chi tài vụ tính theo giá mới, là kế hoạch chính thức của năm 1975, các nhiệm vụ thu nộp, cấp phát cũng đều phải xác định trên cơ sở giá mới.

3. Đề thi hành được giá bán buôn mới về than, gỗ, mọi việc giải quyết về tăng giảm vốn lưu động, giá thành, phí lưu thông, số thu nộp... đều phải áp dụng đúng như các chế độ tài chính của Chính phủ và Bộ Tài chính đã ban hành. Điều cần chú ý là do giá than, gỗ tăng lên theo mức độ khác nhau, có nơi giá than còn hạ xuống, và do thực hành tiết kiệm tiêu dùng than, gỗ và tiết kiệm các khoản phí tồn khác nên giá thành sản xuất có thể không tăng hoặc tăng ít hơn mức tăng của giá than và gỗ hoặc giá thành giảm nhiều hơn mức giảm (hạ) giá than. Các đơn vị kinh doanh lưu thông phân phối than, gỗ không được nâng mức chiết khấu vật tư hay chiết khấu thương nghiệp lên mà còn cần tiếp tục phấn đấu giảm phí lưu thông.

4. Giá bán buôn gỗ của các lâm trường bán cho các công ty lưu thông phân phối gỗ của ngành lâm nghiệp sẽ do các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương quy định cụ thể để làm cơ